

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn,
đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hoàn;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2000; cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Trung T, sinh năm 2001; cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đỗ Mạnh H, sinh năm 1961; (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:

Chị và anh Đ Trung Tín tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, quen nhau 01 năm, tổ chức đám cưới vào tháng 11 năm 2023. Hai bên đăng ký kết hôn vào ngày 21-11-2023 tại Ủy ban nhân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình anh T. Khi về chung sống, chị phát hiện anh T ngoại tình, anh T cài mật khẩu điện thoại để giấu chị việc qua lại với người phụ nữ khác. Chị nghe bạn bè đồng nghiệp của anh T nói anh T đã có quen một người phụ nữ khác trước khi làm đám cưới với chị. Vì vậy, nên ngay khi về chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh T muốn tiến đến với người phụ nữ đó nên nói dối chị đi công tác, đi trực, nhưng thực tế anh T đi chơi cùng người phụ nữ đó. Anh T còn thuê nhà cho người phụ nữ đó ở. Do không thể sống cùng nhau, từ tháng 5-2024 chị đã về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống cùng nhau, không thể đoàn tụ được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản: Khi cưới, anh Tín và gia đình anh T có cho chị số vàng như sau:

+ 01 đôi kiềng 04 chỉ vàng 24K.

+ 02 sợi dây chuyền, 01 sợi 01 lượng (10 chỉ) vàng 24K và 01 sợi 05 chỉ vàng 24K. Trong đó sợi dây chuyền 01 lượng là anh T đưa cho chị đeo trước khi tổ chức lễ cưới.

+ 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K.

+ 01 đôi lắc tay 01 lượng (10 chỉ) vàng 24K.

Đối với 01 nhẫn cưới 0,5 chỉ vàng 18K mỗi bên giữ 01 chiếc, hiện chị đang giữ 01 chiếc nên không yêu cầu nữa.

Tổng cộng 03 lượng (30 chỉ) vàng 24K sau khi đám cưới, chị đưa trực tiếp cho anh T giữ toàn bộ. Đến khi anh T ngoại tình bỏ nhà đi thì chị cùng mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị M lục trong tủ đồ tại phòng riêng của vợ chồng anh chị thì còn lại 04 chỉ vàng là 01 đôi kiềng, số còn lại không còn nữa. Đồng thời, chị cũng giao cho mẹ chồng chị cất giữ dùm chị 04 chỉ vàng này. Trước khi anh T đi thì chị có hỏi vàng cưới để đâu, anh T trả lời cất trong tủ rồi, nhưng chị tìm không thấy. Chị có hỏi có đưa cho cha mẹ anh T cất hay sao thì anh T không trả lời, thường anh T im lặng là đồng ý.

Nay chị yêu cầu anh T phải trả lại cho chị số vàng mà anh T giữ của chị là 30 chỉ vàng 24K như nêu trên, rút lại yêu cầu ông H, bà M phải cùng trả.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, anh Đỗ Trung T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đỗ Văn H1, bà Nguyễn Thị M: Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, vắng mặt trong các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa,

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Đỗ Trung T; yêu cầu anh T phải trả lại số vàng cưới cho chị gồm 01 đôi kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 đôi lắc 10 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K; rút lại yêu cầu anh T phải trả 01 chiếc nhẫn cưới 0,5 chỉ vàng 18K và rút lại yêu cầu ông H1, bà M có nghĩa vụ cùng anh T trả lại vàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung chứng cứ vì các nội dung tin nhắn giữa chị Y và bà M, anh T có mâu thuẫn, khi nhắn với anh T thì yêu cầu gia đình anh T trả lại vàng, nhưng khi nhắn với bà M thì lại yêu cầu anh T trả vàng; bản thân chị Y cũng không xác định được ai là người giữ số vàng cưới; trong các đoạn phim đám hỏi, cưới do chị Y nộp không thể hiện số lượng, loại vàng nên cần phải làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Đỗ Trung T tranh chấp về ly hôn; anh T cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn, anh Đỗ Trung T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Mạnh H, Nguyễn Thị M không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T, ông H và bà M.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Đ Trung Tín là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 21-11-2023. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì chị Y phát hiện anh T có quen với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi không sống cùng chị, sau đó chị cũng đã trở về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Qua xem xét chứng cứ là các tin nhắn giữa chị Y, anh Tín do chị Y cung cấp, thấy rằng anh T cũng mong muốn được ly hôn với chị Y nên không thể đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Y, không đến Tòa để hòa giải hàn gắn, điều đó đã thể hiện anh T không còn quan tâm đến chị Y. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa

chị Y, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Y là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo chị Y khai, giữa chị và anh T không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản:

[5.1] Theo chị Y thì khi tổ chức đám hỏi, phía gia đình anh T có tặng cho chị số vàng cưới gồm 02 cây kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, riêng nhẫn cưới thì mỗi người 01 chiếc 0,5 phân vàng 18K. Sau khi tổ chức đám hỏi, trước ngày cưới một ngày thì anh T có mang sang cho chị 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24K. Đến ngày tổ chức đám cưới, gia đình anh T tặng cho chị 01 đôi lắc 10 chỉ vàng 24K. Sau khi tổ chức đám cưới xong, vì đặc thù công việc, chị làm ở ngân hàng có quy định về việc mang nữ trang nên chị đã tháo toàn bộ nữ trang (Trừ nhẫn cưới) để đưa cho anh T cất giữ. Khi anh T ngoại tình bỏ nhà đi, chị có cùng với mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị M có lục tìm trong tủ đồ trong phòng của chị và anh T thì chỉ còn lại 02 cây kiềng 04 chỉ vàng 24K, số vàng còn lại chị không biết anh T đã sử dụng làm gì mà không còn nữa, lúc đó chị có gửi cho bà M giữ tiếp 02 cây kiềng 04 chỉ vàng 24K rồi về nhà cha mẹ ruột sống đến nay.

[5.2] Tại đơn khởi kiện, chị Y đã yêu cầu anh T cùng cha mẹ anh T là ông Đỗ Mạnh H và bà Nguyễn Thị M cùng có nghĩa vụ trả cho chị 01 đôi kiềng, 02 sợi dây chuyền, 01 bộ bông tai, 01 nhẫn cưới, 01 đôi lắc tay tổng cộng là 30 chỉ vàng 24K. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Y đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông H, bà M cùng có nghĩa vụ trả lại số vàng cho chị, đồng thời cũng không yêu cầu anh T phải trả 01 chiếc nhẫn cưới. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử phần này.

[5.3] Đối với yêu cầu của chị Y về việc buộc anh T phải trả lại cho chị 02 cây kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xem xét các đoạn phim ghi hình đám hỏi, đám cưới do chị Y cung cấp và lời khai của chị Y thì thấy rằng trong quá trình làm lễ hỏi, lễ cưới chị Y có mang trên người các món nữ trang, trong đó có 02 cây kiềng, 02 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai và 01 nhẫn cưới nhưng không rõ trọng lượng. Tại lễ hỏi, gia đình anh T có mang sang và anh T mang lên người chị Y 02 cây kiềng, 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn cưới (Anh T cũng được chị Y đeo 01 nhẫn cưới). Đến khi tổ chức lễ cưới, người đại diện gia đình của anh T có nêu gia đình nhà trai cho cô dâu 01 đôi lắc tay, không nói trọng lượng. Chị Y cũng trình bày trước ngày cưới 01 ngày, anh T có mang sang cho chị 01 sợi dây chuyền 01 lượng vàng 24K. Trong đoạn phim đám cưới, chị Y có mang 02 sợi dây chuyền. Như vậy, về số lượng,

tên gọi các loại nữ trang mà chị Y nêu và có yêu cầu là phù hợp với các đoạn phim ghi hình lễ cưới, lễ hỏi của anh Tín, chị Y. Trong các vi bằng do chị Y nộp, có đoạn tin nhắn giữa chị Y, bà M thể hiện nội dung chị Y yêu cầu anh T giải quyết số vàng cưới thì bà M trả lời để cho anh T có thời gian trả lại, điều đó đã thể hiện anh T có giữ số nữ trang mà chị Y yêu cầu. Hơn nữa, anh T đã được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu của chị Y, tại thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Tòa án đã yêu cầu anh T có ý kiến đối với yêu cầu của chị Y, cung cấp chứng cứ chứng để bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng anh T hoàn toàn không có ý kiến gì, cũng không cung cấp hoặc yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, việc chị Y đòi anh T phải trả toàn bộ số nữ trang là không phù hợp, bởi theo phong tục tập quán tại địa phương, khi tổ chức lễ hỏi thì gia đình nhà trai phải mang sính lễ để cưới dâu và đây là nữ trang dành tặng cho cô dâu nên xác định số vàng được tặng cho trong lễ hỏi là tài sản chị Y được tặng cho riêng; đối với 01 đôi lắc tay chị Y được cho trong ngày cưới, cũng như 01 sợi dây chuyền anh T mang sang cho chị Y trước ngày cưới thì đó là để tạo dựng cho vợ chồng một số vốn nên số tài sản này cần xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, chị Y chỉ được quyền đòi lại một nửa, anh T giữ vàng nên có nghĩa vụ trả lại cho chị Y một nửa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y, buộc anh T phải trả lại cho chị Y toàn bộ số vàng được cho trong ngày đám hỏi gồm 02 cây kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K; buộc anh T trả lại một nửa số vàng cho trong ngày cưới và một nửa sợi dây chuyền cho trước ngày cưới.

[6] Về nợ chung: Chị Y khai vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết; anh T không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết sau.

[7] Về án phí: Chị Y là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí về ly hôn theo quy định. Chị Y tranh chấp đòi lại tài sản nên phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận, anh T phải chịu án phí đối với giá trị tài sản phải có nghĩa vụ trả cho chị Y. Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử là 7.800.000 đồng/chỉ nên được xem xét để tính án phí.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án giải quyết tranh chấp về dân sự, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ là của đương sự; trường hợp đương sự không tự mình thu thập được thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Y đã nêu rõ khối lượng, chủng loại của từng loại nữ trang mà chị Y yêu cầu, anh T không có ý kiến phản đối. Chị Y xác định số vàng mà chị yêu cầu đòi là của

chị, do anh T cất giữ và không trả lại, khi chị đi có gửi lại bà M 01 đôi kiềng 04 chỉ giữ dùm chị và anh T. Chị Y chỉ yêu cầu anh T phải trả và rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà M, ông H và cả bà M, ông H, anh T đều không phản đối việc này. Trong vụ án này, chị Y, anh T, bà M, ông H đều không có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho họ và xét thấy không cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung chứng cứ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 166 của Bộ luật Dân sự, Điều 56, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Y. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Đỗ Trung T.

2. Về tài sản chung:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc Y về việc yêu cầu anh Đỗ Trung Tín trả lại 02 cây kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Buộc anh Đỗ Trung T có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc Y 02 cây kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, tổng cộng là 10 chỉ vàng 24K (Loại vàng thông dụng tại địa phương).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Y về việc yêu cầu anh Đỗ Trung T phải trả 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24K, 01 đôi lắc 10 chỉ vàng 24K. Buộc anh Đỗ Trung T có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc Y 10 chỉ vàng 24K (Loại vàng thông dụng tại địa phương).

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Y về việc yêu cầu ông Đỗ Mạnh H và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm cùng anh Đỗ Trung Tín trả lại cho chị 02 cây kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24K, 01 đôi lắc 10 chỉ vàng 24K và 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Y về việc yêu cầu anh Đỗ Trung Tín trả cho chị 01 chiếc nhẫn cưới 0,5 chỉ vàng 18K.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn; 3.900.000 đồng án phí của phần đòi tài sản không được chấp nhận, tổng cộng là

4.200.000 (Bốn triệu hai trăm nghìn) đồng. Chị Y đã nộp 5.550.000 (Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0002877 ngày 27-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, được trừ vào án phí nên được nhận lại 1.350.000 (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Anh Đỗ Trung T phải chịu 7.800.000 (Bảy triệu tám trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Mạnh H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ 15 phút ngày 16-9-2024, có mặt chị Y nghe tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực